TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ - PT
Ngày 18 - 7 - 2022
"V/v yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phượng

Các Thẩm phán: Ông Võ Thái Sơn

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang*:** Bà Đặng Kim Quang - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2022/TLPT - HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc "Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng".

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2022/HNGĐ – ST ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2022/QĐ - PT ngày 06 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐ - PT, ngày 27/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1964 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực C, phường B, thành phố B, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm: 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu vực C, phường B, thành phố B, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Hồng Đ, Luật sư của Văn phòng Luật sư Ngọc S, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long;

Địa chỉ: PCĐ, phường D, thành phố K, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn G và bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới từ năm 1993, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống với nhau giữa ông G và bà T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không còn yêu thương và tôn trọng lẫn nhau. Bà T nhiều lần gây nợ, nhưng không rõ số tiền dùng vào mục đích gì. Ông G vì danh dự gia đình đã trả nợ thay cho bà T 2 lần, với số tiền hơn 1.000.000.000 đồng, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không giải quyết được, nên nguyên đơn và bị đơn sống ly thân đã hơn 2 năm. Hiện nay, mỗi người có một cuộc sống riêng, không còn quan tâm nhau, nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Nguyễn Thị Anh N (giới tính nữ), sinh năm 1994 và Nguyễn Phát Đ (giới tính nam), sinh ngày 01/01/2005. Hiện nay, em Nguyễn Thị Anh N đã trưởng thành nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng em Nguyễn Phát Đ, nguyên đơn cho rằng con chung đã lớn có quyền lựa chọn muốn sống chung với cha hoặc mẹ tùy em Đ. Nếu em Đ chọn sống chung với cha, thì ông G sẽ nuôi và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi em Đ.

Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Giữa nguyên đơn và bị đơn không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày: Bị đơn thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về thời gian sống chung, con chung là đúng. Tuy nhiên, do nguyên đơn có người phụ nữ khác nên quyết định ly hôn với bị đơn. Đối với số nợ 1.000.000.000 đồng nguyên đơn trình bày do bị đơn gây nợ là đúng. Bị đơn dùng số tiền này chi tiêu trong gia đình do nguyên đơn đưa tiền chi xài không đủ. Nay bị đơn không đồng ý ly hôn vì còn thương chồng, thương con nên muốn hàn gắn lại hạnh phúc gia đình.

Về tài sản chung: Xin rút lại lời trình bày ngày 04/3/2022 về việc trình bày không yêu cầu chia tài sản. Bị đơn trình bày nếu nguyên đơn ly hôn thì phải chia tài sản chung bao gồm: Nhà và đất tại số 01 đường E ngang 12,8m và dài 30m; Phần đất diện tích 13.000m^2 tại ấp M, xã T; Căn nhà ở phường P, quận R, thành

phố Cần Thơ, ngang 5m, dài 19m; Phần đất ngang 9m, dài 39m ở đường 3/2 khu vực 5, phường G; Phần đất ở ấp C1, xã T ngang 36m, dài 50m (cây xăng N Thành vợ chồng thỏa thuận con gái Nguyễn Thị Anh N đứng tên); phần đất ở xã TT mua của ông Trung T1 năm 2008; phần đất vô quy hoạch ở đường 927C; phần đất ở cầu TN, khu vực D, phường B cặp kênh thủy lợi đang trồng chanh khoảng 7.000 m^2. Các phần đất trên đều do chồng bị đơn đứng tên. Bị đơn yêu cầu chia tài sản chung để bị đơn nhận nhà và đất ở số 01 đường E, khu vực C, phường B và 13.000 m^2 đất ở ấp M, xã T, thành phố B, tỉnh Hậu Giang.

Về nợ chung: Giữa bà T và ông G không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa em Nguyễn Phát Đ trình bày: Em Đ biết việc ly hôn của cha, mẹ. Do mẹ rất nhiều lần xen vào đời sống riêng tư của Đ. Nếu cha, mẹ ly hôn em Đ có nguyện vọng sống chung với cha.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2022/HNGĐ – ST ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn G. Không công nhận quan hệ giữa nguyên đơn Nguyễn Văn G và bị đơn Nguyễn Thị Thùy T là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phát Đ (giới tính nam), sinh ngày 01/01/2005 cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, bị đơn chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bị đơn không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: Tách ra giải quyết thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định.

Ngày 28/4/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu hủy toàn bộ Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2022/HNGĐ – ST ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Hậu Giang, với những lý do:

Bị đơn đã yêu cầu thay đổi Thẩm phán và Thư ký nhưng Tòa án nhân dân thành phố B không chấp nhận thay đổi. Thẩm phán đã điều động đi nơi khác mà

vẫn xét xử vụ án của bị đơn và ông G. Đang xét xử thì bị đơn bị bệnh nhưng Tòa án không tạm dừng xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bổ sung thêm một phần yêu cầu kháng cáo. Bà T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết luôn yêu cầu chia tài sản chung giữa bà và ông G trong cùng một vụ án hôn nhân.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, cho rằng quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Văn G không có đăng ký kết hôn, nên không được pháp luật công nhận. Do đó, việc phải giải quyết chia tài sản chung theo yêu cầu phản tố của bà T là cần thiết. Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố, chia tài sản chung của bà T là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm bà T vì sức khỏe phải đi cấp cứu, nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vì bà T không thực hiện quyền tranh luận tại phiên tòa. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm về cho Tòa sơ thẩm xét xử luôn yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn trong cùng vụ án hôn nhân.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xét xử vắng mặt nguyên đơn là hợp pháp.

Về nội dung: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý, giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn, do bị đơn chưa thể hiện ý kiến rõ ràng, trước sau bất nhất và không thực hiện yêu cầu sửa chữa đơn phản tố và cung cấp tài liệu chứng cứ, để Tòa án cấp sơ thẩm có cơ sở thụ lý. Mặt khác, tại các văn bản ghi lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn có thể hiện ý kiến là không yêu cầu chia tài sản chung với nguyên đơn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ. Tại quyết định của bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã dành quyền khởi kiện chia tài sản chung cho bị đơn bằng một vụ án khác, là đảm bảo cho bị đơn thực hiện quyền khởi kiện của mình. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*

Ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Thùy T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Không công nhận quan hệ vợ chồng" là có căn cứ và đúng pháp luật. Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bãy thụ lý, giải quyết là đúng qui định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ngày 06/7/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Văn G có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn và tiến hành xét xử vắng mặt ông G.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/4/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T có đơn kháng cáo đúng qui định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] *Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T, Hội đồng xét xử xét thấy*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*

Ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Thùy T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Tòa án nhân dân thành phố B quyết định không công nhận quan hệ giữa ông G với bà T là vợ chồng là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*

Ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Thùy T thống nhất, xác định trong thời gian chung sống có 02 người con chung, tên Nguyễn Thị Anh N (giới tính nữ), sinh năm 1994 và Nguyễn Phát Đ (giới tính nam), sinh ngày 01/01/2005.

Đối với em Nguyễn Thị Anh N đã trưởng thành, ông G và bà T không có yêu cầu gì, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Đối với em Nguyễn Phát Đ sinh ngày 01/01/2005, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành ghi nhận ý kiến của em Đ. Em Đ có nguyện vọng sống chung với cha là ông Nguyễn Văn G. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn G đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng em Đ, Tòa án cấp sơ thẩm giao em Đ cho ông G được quyền nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là phù hợp.

[2.3] *Về kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, do vi phạm nghiêm trọng tố tụng*

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý phản tố của bà về việc yêu cầu nguyên đơn ông Nguyễn Văn G chia tài sản chung cho bà, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử phúc thẩm, xem xét các tài liệu chứng cứ tại hồ sơ thể hiện, bà T có đơn yêu cầu chia tài sản chung, nhưng không nộp kèm tài liệu chứng cứ chứng minh tài sản chung của bà với ông G. Tại Thông báo số 11/TB – TA ngày 11/11/2021; Thông báo số 09/TB - TA ngày 27/01/2022 Tòa án cấp sơ thẩm có yêu cầu bà T sửa chữa, bổ sung đơn yêu cầu chia tài sản chung. Nhưng bà T không thực hiện sửa chữa, bổ sung đơn yêu cầu chia tài sản chung theo yêu cầu của Tòa án cấp sơ thẩm. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai và biên bản đối chất ngày 04/3/2022, bà T thể hiện ý kiến, không yêu cầu chia tài sản chung. Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải trong ngày 04/3/2022.

Đến ngày 09/3/2022, bà T tiếp tục có đơn yêu cầu chia tài sản chung, nghĩa là sau khi Tòa án cấp sơ thẩm đã công khai chứng cứ và hòa giải. Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý giải quyết yêu cầu phản tố của bà T trong cùng một vụ án là không trái với quy định của pháp luật. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không giải thích quy định pháp luật cho bà Nguyễn Thị Thùy T về quyền đưa ra yêu cầu phản tố vào thời điểm trước khi Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, là có phần thiếu sót. Tuy nhiên thiếu sót này vẫn không làm mất quyền yêu cầu chia tài sản chung của bà T. Do đó, bà vẫn có thể thực hiện quyền yêu cầu chia tài sản chung của bà và ông G trong một vụ án khác.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T.

[3] *Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn*

Luật sư cho rằng quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không hợp pháp, nên việc giải quyết yêu cầu chia tài sản chung, phải được thụ lý, giải quyết trong cùng một vụ án, là không có cơ sở. Bởi lẽ, bà Nguyễn Thị Thùy T không thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục phản tố theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự (như sửa chữa đơn phản tố và cung cấp tài liệu chứng cứ) nên Tòa án cấp sơ thẩm chưa thụ lý yêu cầu chia tài sản chung của bà T là có căn cứ. Hội đồng xét

xử phúc thẩm không chấp nhận quan điểm của Luật sư đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, trả hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết luôn cả mối quan hệ hôn nhân và tài sản chung giữa nguyên đơn và bị đơn trong cùng một vụ án.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục về án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016), bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn G.

Không công nhận quan hệ giữa nguyên đơn Nguyễn Văn G và bị đơn Nguyễn Thị Thùy T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phát Đ (giới tính: Nam), sinh ngày 01/01/2005 cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, bị đơn chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bị đơn không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: Tách ra giải quyết thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không giải quyết.

3. Về án phí:

3.1. Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn G phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0008521 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

3.2. Án phí Hôn nhân và Gia đình phúc thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00008689 ngày 28/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 18/7/2022.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phượng